



Kỷ luật - Tự hào chiến đấu - Quyết tâm chiến thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Số 4051/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ban hành ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2017/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP, ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục;


Tiếp theo Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025, huyện Điện Biên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo số 279/BC-TCKH, ngày 31/12/2024 và đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025 (Có phương án kèm theo).

Điều 2. Căn cứ phương án phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các trường học trực thuộc có trách nhiệm triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Hiệu trưởng các trường học thuộc huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND huyện (Đ/C);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT, GDDT 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN




Nguyễn Thị Bình



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 4051/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024 của UBND huyện Điện Biên)

A. Phương án phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2025

I. Phạm vi áp dụng: Sự nghiệp giáo dục.

II. Đối tượng áp dụng

1. Các trường học thuộc huyện Điện Biên.
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán sự nghiệp giáo dục huyện Điện Biên.

III. Tiêu chí phân bổ

1. Biên chế của từng đơn vị được xác định theo số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm.
2. Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị.

B. Nguyên tắc phân bổ

I. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi chế độ, chính sách cho giáo viên (Bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định, dự kiểm tăng lương, tăng thâm niên nhà giáo, chuyển bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp tính theo số liệu năm 2024, 2025) giao đủ các trường 12 tháng theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng theo số biên chế được UBND huyện giao.

- Đối với số kinh phí chi thường xuyên cho số lượng biên chế còn thiếu (18 người), Phòng Giáo dục và Đào tạo tạm cấp về các trường: 5.943.168.220 đồng (có phụ biểu số 2.1 kèm theo). Số kinh phí này được sử dụng khi cơ biên chế được giao bổ sung hoặc chuyển đến, tuyển mới, hợp đồng giáo viên do thiếu biên chế. Nếu trong năm không được giao bổ sung biên chế, tuyển mới, luân chuyển đến, Phòng Giáo dục và Đào tạo điều chuyển số kinh phí chi thường xuyên đã giao cho các trường có phát sinh nhu cầu tăng thêm về tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo quy định. Số kinh phí còn lại chưa sử dụng chuyển nguồn sang năm sau để bố trí biên chế được giao bổ sung.

II. Kinh phí chi thường xuyên

1. Các khoản chi hoạt động, chi nghiệp vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác.

1.1. Các trường học trực thuộc cấp mầm non

- Đối với các trường mầm non có trên 30 biên chế hoặc dưới 30 biên chế nhưng quỹ tiền lương từ 5 tỷ đồng trên năm, giao tỷ lệ chi thường xuyên từ 2,6

% trở lên trên tổng quỹ tiền lương cả năm của trường, các trường hợp cùng biên chế nhưng khác nhau về quỹ tiền lương, số người lao động hợp đồng, tiền công lao động hợp đồng, địa bàn vùng khó khăn, điểm trường, thẩm định chuẩn sẽ điều chỉnh tỷ lệ chi thường xuyên cho phù hợp theo nhiệm vụ chi hằng năm của từng trường.

Đối với các trường mầm non có dưới 30 biên chế, quỹ tiền lương dưới 5 tỷ đồng trên năm, hoặc số tiền công chi trả cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022 cao, những trường có nhiều điểm bán, giao tỷ lệ chi thường xuyên từ 4,7 % trở lên phù hợp theo nhiệm vụ chi hằng năm của từng trường.

1.2. Các trường học trực thuộc cấp tiểu học

- Đối với các trường tiểu học có trên 30 biên chế, quỹ tiền lương cao từ 9 tỷ đồng trên năm, giao tỷ lệ chi thường xuyên 2,6% trở lên trên tổng quỹ tiền lương cả năm, tùy vào số biên chế cao hoặc thấp, quỹ lương của từng trường điều chỉnh tỷ lệ giao phù hợp, những trường có nhiều lao động hợp đồng sẽ giao tỷ lệ nhiều hơn tùy theo nhiệm vụ chi của từng trường cho phù hợp.

- Đối với các trường tiểu học còn lại có dưới 30 biên chế, quỹ tiền lương dưới 6 tỷ đồng trên năm hoặc số tiền công chi trả cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022 cao, những trường dưới 30 biên chế có nhiều điểm bán, ít biên chế nhưng quỹ tiền lương cao trên 6 tỷ đồng giao tỷ lệ chi thường xuyên từ 3,6 % trở lên tùy theo nhiệm vụ chi cụ thể.

1.3. Các trường học trực thuộc cấp THCS

- Đối với các trường THCS có từ 25 biên chế, quỹ tiền lương từ 6 tỷ đồng trên năm, giao tỷ lệ chi thường xuyên từ 2,8 % trở lên trên tổng quỹ tiền lương cả năm tùy theo nhiệm vụ chi cụ thể điều chỉnh cho phù hợp.

- Đối với các trường THCS còn lại có dưới 25 biên chế, quỹ tiền lương dưới 6 tỷ đồng trên năm hoặc số tiền công chi trả cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022 cao quỹ lương trên 6 tỷ đồng, giao tỷ lệ chi thường xuyên từ 3,5 % trở lên tùy theo nhiệm vụ chi cụ thể điều chỉnh cho phù hợp.

1.4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Số kinh phí chi thường xuyên: 6.608.072.819 đồng để lại Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổ chức các hoạt động giáo dục chung trong toàn ngành.

2. Định mức phân bổ cho các cấp học nêu trên:

*** Đã bao gồm:**

- Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của các trường phát sinh hàng năm (đã bao gồm các khoản phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm.....)

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, phần mềm, gia hạn phần mềm, dịch vụ,.....).

- Các khoản chi khác gồm: Chi các khoản phí, lệ phí, sửa chữa nhỏ, chi tiền lương, tiền công lao động hợp đồng nhân viên phục vụ, bảo vệ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, trợ cấp lần đầu vùng ĐBKK, trợ cấp chuyển vùng....

*** Chưa bao gồm:**

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn). phụ cấp ưu đãi giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật (ND 28/2012), tiền công các khoản đóng góp cho giáo viên dạy hợp đồng theo ND 111/2022/NĐ-CP.

- Chi mua sắm thiết bị dạy và học, sửa chữa lớn trụ sở, tài sản, phương tiện làm việc, chi đo đạc, cắm mốc chi giới quy hoạch, cấp GCNQSD đất trụ sở các trường (giao theo nhu cầu thực tế tại các trường đảm bảo hiệu quả)

- Chi tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024.

III. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên

- Số kinh phí chi không thường xuyên: 89.224.400.000 đồng. Bao gồm:

+ Các chế độ chi hỗ trợ chính sách của học sinh, giao đủ cho các trường theo số dự toán được huyện giao: 46.347.000.000 đồng.

+ Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trường xây dựng chuẩn, thẩm định trường chuẩn: 25.000.000.000 đồng.

+ Kinh phí đo đạc, cắm mốc chi giới quy hoạch, cấp GCNQSD đất trụ sở các trường: 1.877.400.000 đồng giao trực tiếp cho các trường thực hiện.

+ Kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị tối thiểu mầm non, lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các trang thiết bị dùng chung khác phục vụ dạy và học giao trực tiếp cho các trường theo nhu cầu sử dụng: 16.000.000.000 đồng.

IV. Kinh phí tiền thưởng

Theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP trên cơ sở kinh phí duyệt năm 2024 và số biên chế được giao, giao đủ năm 2025 tổng thực hiện: 20.459.846.160 đồng.

V. Nguồn thu học phí, cấp bù học phí.

- Thu học phí, cấp bù học phí của các trường THCS, Mầm non: Khi thu tiền của học sinh phải nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại kho bạc nhà nước.

- Chi từ nguồn thu học phí, cấp bù học phí, cụ thể:

+ 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 (căn cứ quy định tại mục e, khoản 4, Điều 4, Thông tư số 76/2023/TT-BTC, ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính).

+ 60% còn lại bổ sung kinh phí chi thường xuyên của trường./.